

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐIỆN BIÊN
TỈNH ĐIỆN BIÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 48/2023/HNGĐ- ST

Ngày: 12/4/2023

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐIỆN BIÊN, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nông Trung Kiên và bà Nguyễn Thị Tâm

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Tiến Trường, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên;

Ngày 12 tháng 4 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 28/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2022 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lò Văn Th; Sinh năm: 1985;

Địa chỉ: Bản N, xã H, huyện Đ, tỉnh Điện Biên;

(Có mặt).

2. Bị đơn: Bà Lò Thị D; Sinh năm: 1984;

Địa chỉ: Bản N, xã H, huyện Đ, tỉnh Điện Biên;

(Có mặt).

Người phiên dịch cho bà Lò Thị D là bà: Lò Thị Thanh Bình

Nơi làm việc: Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam huyện Điện Biên.

NỘI D V VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 31/10/2022, quá trình giải quyết và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Lò Văn Th trình bày:

Ông Lò Văn Th và Bà Lò Thị D đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thanh Nưa, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên ngày 17/02/2006. Việc kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn chung sống hạnh phúc được khoảng 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng về quan điểm và thường xuyên cãi vã, hai vợ chồng không còn quan tâm chia sẻ với nhau, thường xuyên nghi ngờ nhau, không còn cùng nhau vun vén kinh tế, chăm sóc con cái và xây dựng cuộc sống chung. Ông Th cũng đã đề nghị trưởng bản Nà Hý và UBND xã Hua Thanh xác nhận nội D này trong đơn xin xác nhận tình trạng hôn nhân ngày 01/3/2023 mà ông đã nộp cho Tòa án. Nay xét thấy tình cảm không còn ông Th đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với bà D;

Về con: Ông Th đề nghị giải quyết việc nuôi con chung đối với hai cháu Lò Thị Phương Th1 và Lò Thị Cẩm O cùng sinh ngày 27/12/2006, các cháu khỏe mạnh phát triển bình thường, đang ở với hai vợ chồng. Ông Th có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục hai cháu. Về cấp dưỡng nuôi con chung ông Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với cháu Lò Văn Th sinh ngày 06/06/2003 đã đủ tuổi thành niên và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về quan hệ tài sản: Ông Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 01/12/2022 quá trình giải quyết và tại phiên toà bà D trình bày:

Về hôn nhân: Việc kết hôn đúng như ông Th trình bày. Tuy nhiên, về cuộc sống chung của hai vợ chồng thì hạnh phúc đến tháng 9 năm 2022 mới phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông Th đi làm về thì không quan tâm chia sẻ, không nói chuyện, thường hay quát nạt to tiếng đối với chị. Ngoài ra còn có lần ông Th còn chửi mắng, dọa dẫm và đánh bà, bà đã nộp biên bản sự việc ngày 01/3/2023 có xác nhận của Công an viên và trưởng bản Nà Hý xác nhận nội D trên cho Tòa án. Khi ông Th khởi kiện thì bà D cho rằng là do tình cảm vẫn còn nên không đồng ý ly hôn nhưng tại phiên toà bà khẳng định bà không đồng ý ly hôn chỉ vì ông Th chưa tự thoả thuận chia tài sản chung cho bà xong. Nếu ông Th giải quyết chia tài sản chung xong thì bà cũng nhất trí ly hôn.

Về con: Bà D nhất trí giao hai con chung là cháu Lò Thị Phương Th1 và Lò Thị Cẩm O cùng sinh ngày 27/12/2006 cho ông Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục hai cháu. Các cháu hiện khỏe mạnh phát triển bình thường, cùng chung sống với hai vợ chồng bà. Về cấp dưỡng nuôi con chung bà cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu Lò Văn Th sinh ngày 06/06/2003 đã đủ tuổi thành niên và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về quan hệ tài sản: Bà D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết Tòa án đã tiến hành hòa giải cho hai ông bà nhưng hai bên đều không thông nhất được vấn đề cần giải quyết. Các con chung là cháu Lò Thị Phương Th1 và Lò Thị Cẩm O có đơn thể hiện nguyện vọng được ở với cả hai ông Th và bà D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thủ tục thụ lý yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn: Ngày 31/10/2022 ông Lò Văn Th nộp đơn khởi kiện đề ngày 31/10/2022 về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con tại Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên đối với bà Lò Thị D; Địa chỉ: Bản Nà Hý, xã Hua Thanh, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên. Ông Th có quyền yêu cầu giải quyết ly hôn theo qui định tại khoản 1 điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Ngày 07/11/2022 Ông Th đã nộp tạm ứng án phí, cùng ngày Tòa án đã thụ lý vụ án để giải quyết yêu cầu khởi kiện của ông Th theo khoản 1 Điều 53 Luật Hôn nhân gia đình và Điều 195 BLTTDS.

- Về thẩm quyền giải quyết: Yêu cầu Ly hôn, tranh chấp về nuôi con giữa Ông Lò Văn Th và Bà Lò Thị D thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân

huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

[2] Về yêu cầu khởi kiện:

Về hôn nhân: Ông Lò Văn Th và bà Lò Thị D kết hôn trên cơ sở tự nguyện không ai bị mất năng lực hành vi dân sự, không bị ai ép buộc, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thanh Nưa, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên vào ngày 17/02/2006 các bên kết hôn khi đã đủ điều kiện kết hôn. Do vậy, quan hệ hôn nhân giữa ông Th, bà D là hợp pháp. Quá trình chung sống hạnh phúc được một thời gian thì lâm vào mâu thuẫn. Hiện ông Th và bà D không còn quan tâm, tôn trọng, chia sẻ và chăm sóc nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn giữa hai vợ chồng là do hai vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm, tính tình không hợp, nghi ngờ lẫn nhau, thường xuyên cãi vã; Có lần còn xô xát, đánh nhau. Những nội D trên các bên đều thừa nhận, chính quyền địa phương cũng đã xác nhận. Ông Th cho rằng tình cảm vợ chồng không còn nên ông xin ly hôn, bà D cho rằng bà không đồng ý ly hôn chỉ vì hai vợ chồng chưa thoả thuận được về tài sản chứ không vì lý do gì khác. Như vậy, có đủ cơ sở khẳng định việc hai vợ chồng không còn hạnh phúc, thường xuyên mâu thuẫn là đúng. Xét tình trạng thực tế giữa hai vợ chồng, Hội đồng xét xử thấy có đủ căn cứ xác định hai bên đương sự đã vi phạm nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Do đó, đã làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Cho nên, Hội đồng xét xử thấy cần căn cứ khoản 1 điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của ông Th, giải quyết cho ly hôn giữa ông Th với bà D. Về quan điểm của bà D cho rằng do ông Th chưa tự thoả thuận chia tài sản chung xong với bà nên bà không nhất trí ly hôn, Hội đồng xét xử không chấp nhận quan điểm này của bà D. Bởi lẽ bà D có quyền yêu cầu giải quyết chia tài sản chung của hai vợ chồng trong thời hạn theo quy định ở cùng vụ án này nhưng bà D đã không yêu cầu; Mặt khác, bà D vẫn có quyền yêu cầu giải quyết chia tài sản chung sau khi ly hôn nếu ông Th bà D không thoả thuận được với nhau.

Về con chung: Ông Th và bà D đều nhất trí giao hai cháu Lò Thị Phương Th1 và Lò Thị Cẩm O đều sinh ngày 27/12/2006 cho ông Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Hội đồng xét xử thấy quan điểm của ông Th, bà D là tự nguyện, phù hợp với qui định của pháp luật nên căn cứ các qui định tại điều 58, điều 69, các khoản 1, 2 điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 giao hai cháu cho ông Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Các cháu Th1, O có nguyện vọng được ở cùng cả bố và mẹ nhưng do Toà án giải quyết cho ly hôn giữa ông Th và bà D nên chỉ có thể giao con chung cho một người trực tiếp nuôi dưỡng. Người không trực tiếp nuôi dưỡng vẫn có đầy đủ các quyền và nghĩa vụ chăm sóc, giáo dục các cháu nên vẫn đảm bảo quyền lợi cho các cháu. Các đương sự không yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung nên không đề cập xem xét.

Đối với cháu Lò Văn Th sinh ngày 06/06/2003 đã đủ tuổi thành niên và có khả năng lao động các đương sự không có yêu cầu nên Toà án không đề cập giải quyết.

Về tài sản và nợ: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX không đề cập giải quyết.

[3] Về Án phí: Hội đồng xét xử căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc ông Th phải chịu 300.000 đ tiền án phí dân sự sơ thẩm của vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 69, các khoản 1, 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/ 2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lò Văn Th, cho ly hôn giữa ông Lò Văn Th và bà Lò Thị D.

2. Về con chung: Giao hai con chung là cháu Lò Thị Phương Th1 và Lò Thị Cẩm O đều sinh ngày 27/12/2006 cho ông Lò Văn Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ tuổi thành niên và có khả năng lao động hoặc đến khi có thay đổi khác. Không đề cập giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

Các quyền và nghĩa vụ của cha, mẹ đối với con, thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại các Điều 58, 81, 82, 83, 84 và 116 của Luật hôn nhân và Gia đình.

Không đề cập đối với cháu Lò Văn Th sinh ngày 06/06/2003.

3. Về tài sản và nợ: Không đề cập giải quyết.

4. Về án phí: Ông Lò Văn Th phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Điện Biên theo biên lai thu tiền số 0005076 ngày 07/11/2022, ông Th đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (12/4/2023).

Nơi nhận:

- VKSND HĐB;
- UBND xã Thanh Nưa;
- Chi cục THADS HĐB;
- Tòa án tỉnh ĐB;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Ngọc